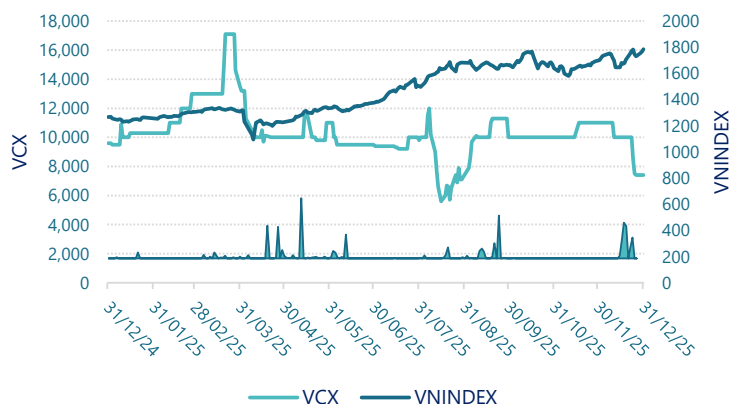


CTCP Xi măng Yên Bình (UPCOM: VCX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	26,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	605
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	196
P/E	7.0
EPS	1,052

DT thuần

Q4/25

218

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.0 | 17.7%

YoY: ▼ 67.0 | -23.6%

LN sau thuế

Q4/25

13.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.1 | 1399%

YoY: ▼ 1.40 | -9.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.2%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

825

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -0.9%

LN sau thuế

2025

27.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.70 | 25.5%

ROE

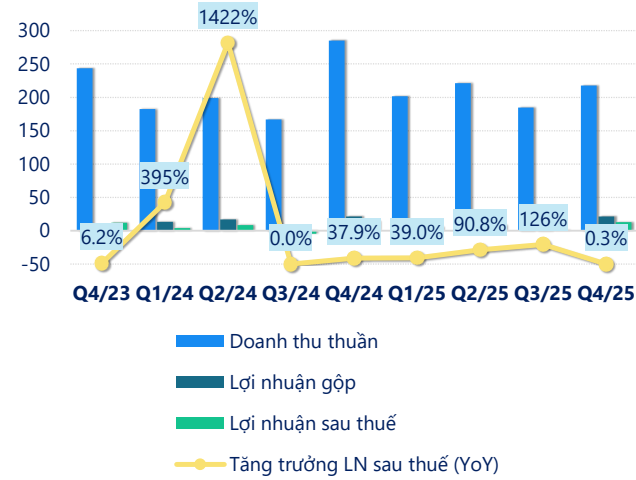
2025

11.0%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

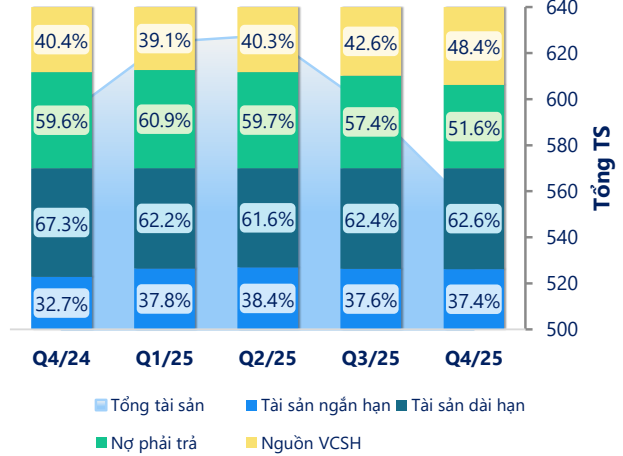
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

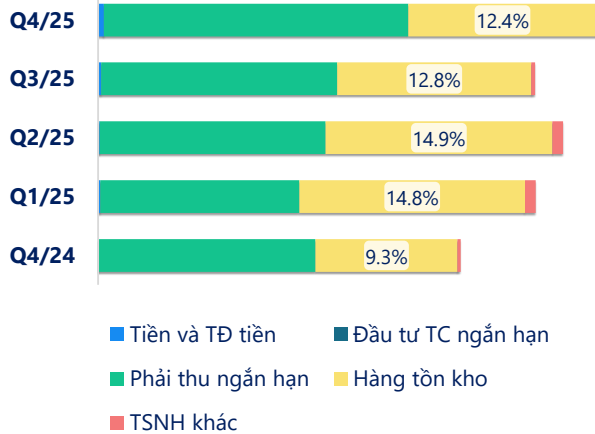
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



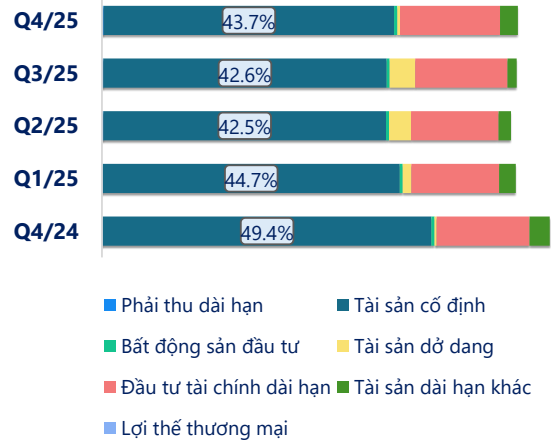
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

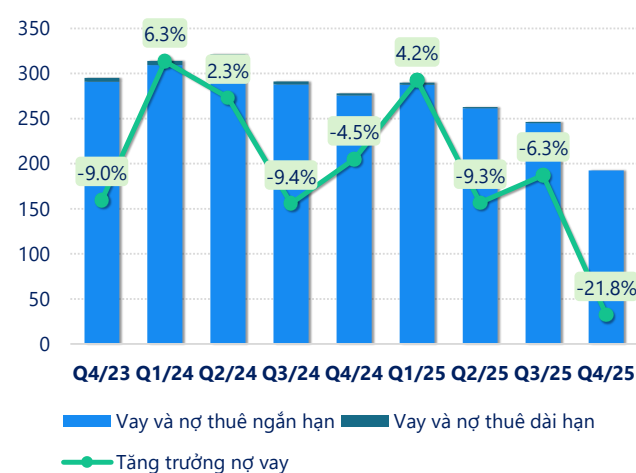
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

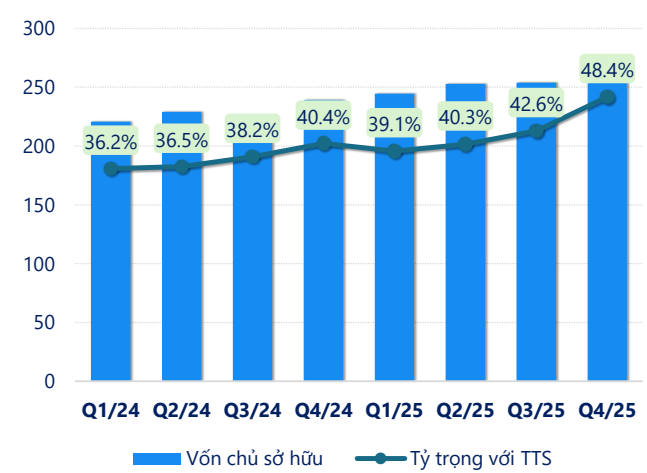
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

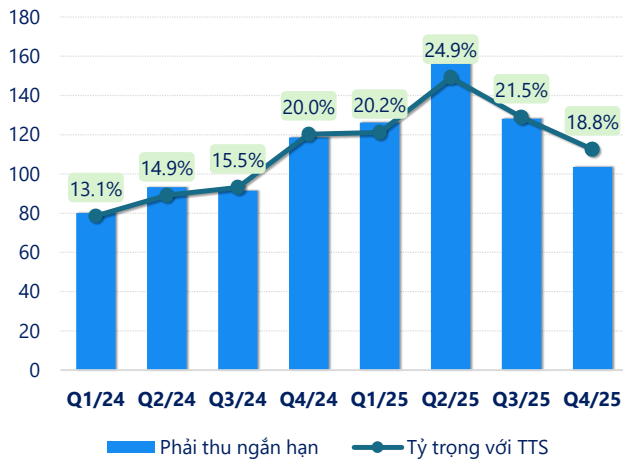
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


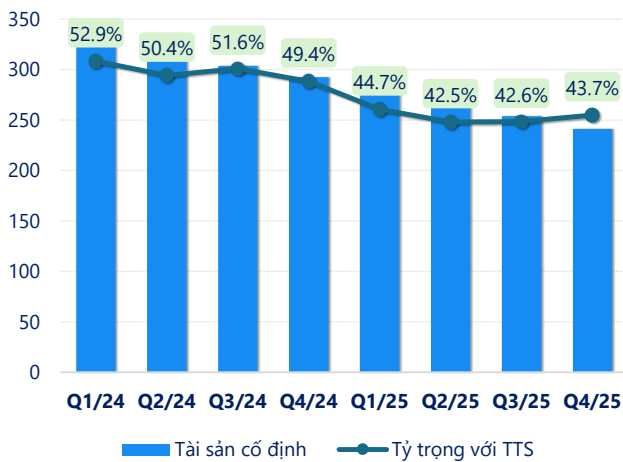
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

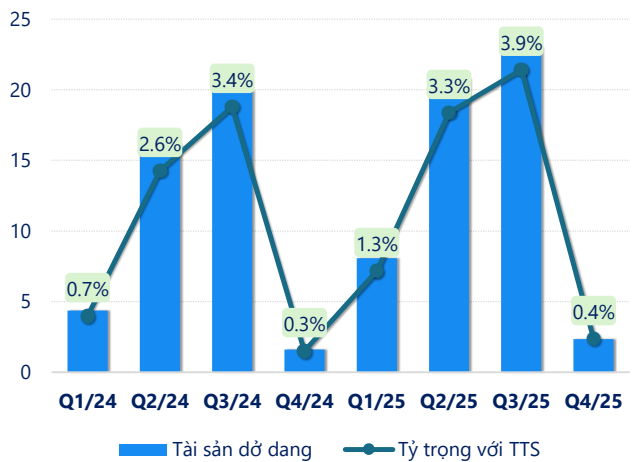

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

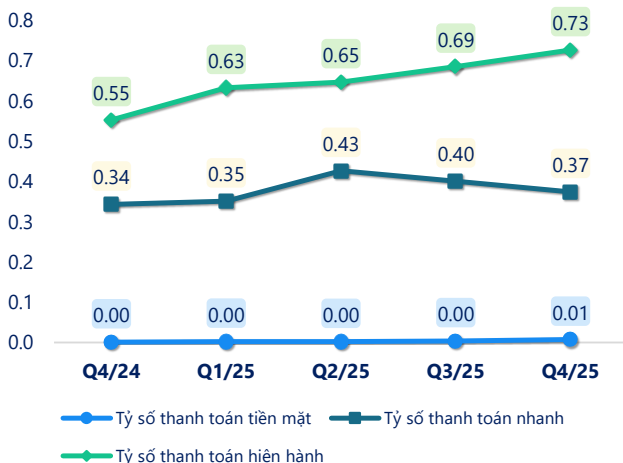
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

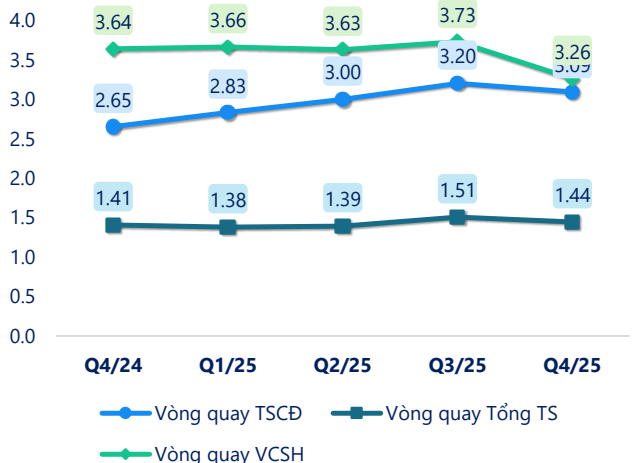
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	591	625	628	596	552
Tài sản ngắn hạn	193	236	241	224	206
Tiền và tương đương tiền	0.30	0.93	0.72	1.25	2.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	119	126	156	128	104
Hàng tồn kho	73.3	105	82.2	93.2	100
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	3.66	2.33	1.53	0.73
Tài sản dài hạn	398	389	386	372	345
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	1.32	1.32	1.38
Tài sản cố định	292	279	267	254	241
Bất động sản đầu tư	2.94	2.86	2.77	2.69	2.61
Tài sản dở dang	1.60	8.07	20.8	23.0	2.34
Đầu tư tài chính dài hạn	82.7	82.6	82.8	82.8	83.1
Tài sản dài hạn khác	17.9	15.5	11.9	8.31	14.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	352	380	375	342	285
Nợ ngắn hạn	349	373	373	327	284
Vay và nợ thuê ngắn hạn	276	287	262	245	193
Phải trả người bán ngắn hạn	55.8	68.0	82.4	58.5	63.9
Nợ dài hạn	3.00	7.50	1.90	15.4	0.81
Vay và nợ thuê dài hạn	2.21	2.21	1.11	1.11	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	239	245	253	254	267
Vốn chủ sở hữu	239	245	253	254	267
Vốn điều lệ	265	265	265	265	265
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)